

BÁO CÁO TH NG NIÊN

N m 2014

PH NI – THÔNG TIN CHUNG

I. Thông tin khái quát

– Tên giao d ch:

CÔNG TY C PH N UT VÀ XÂY D NG CÔNG TRÌNH 3

– Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p s : 4103002692 ng ký l n u ngày 23 tháng 9 n m 2004, ng ký thay i l n th 9 ngày 18 tháng 09 n m 2014 do S K ho ch u t Tp H Chí Minh c p v i MSDN : 0300421520.

– V n i u l : 61.169.920.000

– V n ut c ach s h u: 61.169.920.000

– a ch : 136/1 Tr n Phú, Ph ng 4, Qu n 5, Tp H Chí Minh.

– S i n tho i: 08-38323036

– S fax: 08-38351102

– Website: ct3.com.vn

– Mã c phi u (n u có): CT3

II. Quá trình hình thành và phát tri n:

• Thành l p :

Công ty c ph n T & XD công trình 3 là n v thành viên c a T ng công ty ng s t Vi t nam. Ti n thân là Công ty công trình ng s t 3 c thành l p theo Quy t nh s 1125 TC/Q ngày 10 tháng 8 n m 1977 c a B Giao thông v n t i. Và Quy t nh thành l p DNNN s 1024/Q /TCCB-L ngày 27 tháng 5 n m 1993 c a B Giao thông v n t i

• Chuy n is h u :

Thực hiện nghò quyết Hoả nghò lần thồi ba Ban Chấp hành Trung ồng Ñang khoá IX vào chông trình hành ñng của Chính phủ và tiếp tục sắp xếp, ñổi mới, phát triển và ñang cao hi u q a doanh nghi p nhà n c. C n c Ngh nh s 64/2002/N -CP ngày 19 tháng 6

n m 2002 c a Chính ph v chuy n doanh nghi p nhà n c thành công ty c ph n, B Giao thông v n t i quy t nh chuy n doanh nghi p nhà n c Công ty công trình ng s t 3, n v thành viên c a T ng Công ty ng s t Vi t Nam thành công ty c ph n (quy t nh 4036/Q -BGTVT ngày 31 tháng 12 n m 2003). Công ty c ph n u t và Xây d ng công trình 3 chính th c i vào ho t ng theo mô hình t ch c m i Công ty c ph n t ngày 23 tháng 9 n m 2004 v i V n i u l ng ký l n u (Theo gi y phép KKD l n u so S KH- T Tp HCM c p ngày 23/9/2004) là : 13.439.600.000)

- **ng ký giao dịch c phi u :**

Th c hi n theo Công v n s 1044/UBCK – QLPH ngày 4/6/2009 c a y ban ch ng khoán Nhà n c v l trình ang ký, l u ký cho các công ty i chúng ch a niêm y t. Công ty c ph n u t và xây d ng công trình 3 ã th c hi n ng ký giao d ch c phi u trên th tr ng UPCoM t i S giao d ch ch ng khoán Hà N i và c S Giao d ch ch ng khoán Hà N i ch p thu n v i s l ng ch ng khoán ng lý giao d ch l n u là : 2.181.209 c phi u ngày 20 tháng 11 n m 2009. Các l n ng ký giao d ch b sung :

Ngày 30 tháng 8 n m 2010 ng ký GD b sung : 654.362 c phi u .

Ngày 20 tháng 9 n m 2010 ng ký GD b sung : 1.064.429 c phi u

Ngày 01 tháng 4 n m 2011 ng ký GD b sung : 404.000 c phi u

Ngày 20 tháng 10 n m 2011 ng ký GD b sung : 1.075.998 c phi u

Ngày 21 tháng 10 n m 2011 ng ký GD b sung : 181.000 c phi u.

Ngày 17 tháng 10 n m 2014 ng ký giao d ch b sung : 555.994 c phi u.

Nâng t ng s c phi u c a Công ty giao d ch trên S giao d ch ch ng khoán Hà N i là : 6.116.992 c phi u t ng ng v i giá tr là 61.169.920.000 ng.

- **Các s ki n khác :**

Thành l p n m 1977 qua h n 35 n m xây d ng và phát tri n Công ty CP T & XD công trình 3 ã k th a nh ng thành tích ã t c trong s n xu t kinh doanh , xây d ng Công ty phát tri n b n v ng. V i nh ng thành tích t c trong nh ng n m qua Công ty ã c Chính ph t ng b ng khen “ Công ty có thành tích trong SCKD góp ph n và s nghi p XD XHCN và b o v t qu c”, B tr ng B GTVT t ng b ng khen Công ty ã có thành tích xu t s c trong công tác BHL n m 2002-2003, T ng công ty ng s t Vi t nam t ng danh hi u : “ n v phát tri n khoa h c công ngh khá nh t” n m 2002, “ có thành tích trong phong trào lao ng sáng t o và i m i phát tri n công ngh ngành ng s t

n m 1995-2003”; “ n v tiên ti n ; “ n v v n hóa” n m 2003; “ n v d n u thi ua” n m 2002, 2008, 2010, 2012,2013 C c a T ng công ty SVN khen t ng Công ty.

III. Ngành ngh và a bàn kinh doanh:

1. Ngành ngh kinh doanh :

Các ngành ngh kinh doanh ho c s n ph m, d ch v chính chi m trên 10% t ng doanh thu trong 02 n m g n nh t :

- Ho t ng ki n trúc và t v n k thu t có kiên quan (MN : 7110 – chính) :

- Chi ti t : Xây d ng công trình giao thông, dân d ng, công nghi p, ng dây d i 35KV.. Thí nghi m và ki m nghi m v t li u xây d ng;. - Kh o sát, l p d án u t , giám sát thi công công trình giao thông, dân d ng, công nghi p không do Công ty thi công; Thi t k : T ng m t b ng xây d ng công trình, ki n trúc công trình dân d ng và công nghi p, n i ngo i th t công trình, công trình giao thông (c u, ng b); T v n thi t k ; Thi t k xây d ng công trình công trình h t ng k thu t, ô th ; Ki m nh ch t l ng công trình xây d ng.

- Xây d ng công trình ng s t, ng b (MN : 4210)

- S n xu t các c u ki n kim lo i (MN : 2511)

- Chi ti t : S n xu t c u ki n thép và s n ph m c khí .

2. a bàn kinh doanh:

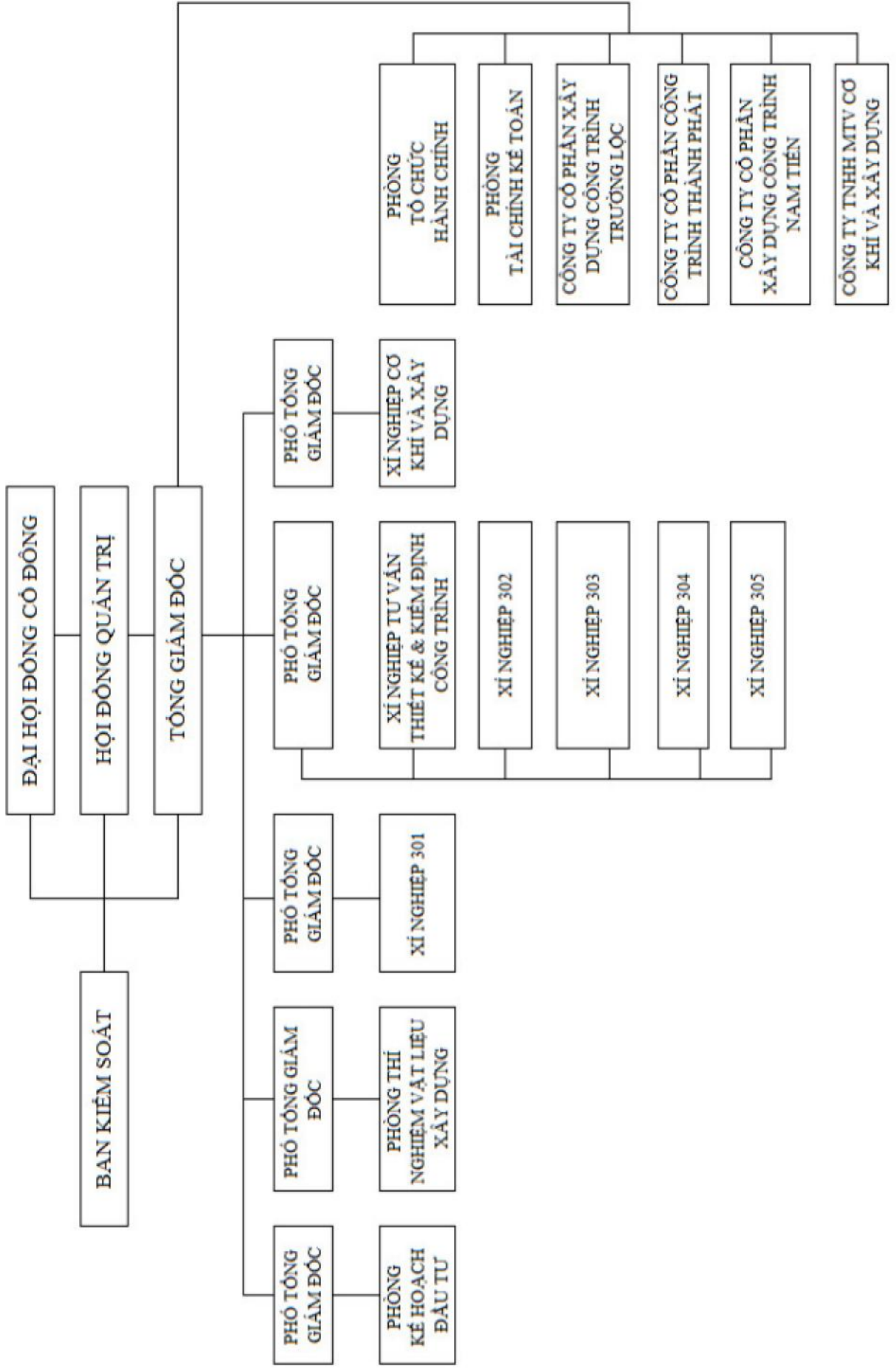
Nêu các a bàn ho t ng kinh doanh chính, chi m trên 10% t ng doanh thu trong 02 n m g n nh t .

- Công ty c ph n T & XD công trình 3 có tr s chính t i : 136/1 Tr n Phú ; ph ng 4; qu n 5; Tp H Chí Minh.
- Công ty thi công các công trình c u ng ki n trúc, ng s t, ng b trên ph m vi c n c.

IV.Thông tin v mô hình qu n tr , t ch c kinh doanh và b máy qu n lý

1. Mô hình qu n tr .

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY



2. Cơ cấu máy quản lý.

+ Hội đồng công : Gồm tất cả các công nhân đi n nhóm công có quy định quy định theo quy định của Công ty, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.

+ Hội đồng quản trị : Do Hội đồng công bầu ra, gồm 07 thành viên; Chủ tịch và 06 thành viên HĐQT. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty là người đi n hợp pháp cho Công ty trước pháp luật. Các thành viên HĐQT thực thi nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT: Trong số 05 thành viên gồm nhiệm vụ các chức vụ quản lý, đi u hành của Công ty và 02 thành viên không tham gia quản lý đi u hành của Công ty.

+ Ban Kiểm soát: Do Hội đồng công bầu ra, gồm 03 thành viên: Trưởng ban và 02 ủy viên Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát là tổ chức thay mặt công nhân kiểm soát mặt cách công nhân, khách quan và trung thực mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và đi u hành Công ty. Báo cáo cho HĐQT tính chính xác, trung thực, hợp pháp và báo cáo tài chính của Công ty.

+ Tổng Giám đốc Công ty : Do HĐQT bổ nhiệm. Có quy định quy định cao nhất về quản lý và đi u hành công việc hàng ngày của Công ty. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Hội đồng công và pháp luật về mọi sai phạm gây tổn thất cho Công ty.

3. Các công ty con :

• Công ty con phần công trình Thành Phát :

Công ty Công phần Công trình Thành Phát (“Công ty”) được thành lập theo giấy đăng ký kinh doanh số 0309477944 ngày ký lập vào ngày 01 tháng 10 năm 2009; ngày ký thay đổi lần thứ hai ngày 21 tháng 12 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

+ Địa chỉ : Số 2A Đường quốc lộ 13 – Khu phố 2 – Phường Hiệp Bình Chánh – Quận Thủ Đức – Thành phố Hồ Chí Minh

+ Ngành, nghề kinh doanh : Xây dựng nhà các loại. Hoàn thiện công trình xây dựng. Xây dựng công trình công ích. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng. Lắp đặt thiết bị điện. Xây dựng công trình nông nghiệp. Xây dựng công trình nông nghiệp. Xây dựng đường dây điện 35KV. Xây dựng công trình thủy lợi. Hoàn thiện công trình xây dựng. Bán buôn ô tô và xe có động cơ .. Sản xuất bê tông và các sản phẩm xi măng và thép cao (không hoạt động

t i tr s). S a ch a máy móc, thi t b (không ho t ng t i tr s). L p t máy móc và thi t b công nghi p. B o d ng, s a ch a ô tô và xe có ng c (tr gia công c khí). L p t h th ng i n, h th ng c p thoát n c và l p t xây d ng. Thí nghi m và ki m nghi m v t li u xây d ng. V n t i hàng hóa b ng ô tô. S n xu t các c u ki n kim lo i (không ho t ng t i tr s). Bán buôn v t li u, thi t b l p t trong xây d ng. Gia công c khí; x lý và tráng ph kim lo i (không ho t ng t i tr s). Nhà hàng, quán n, hàng n u ng (không ho t ng t i tr s). Khách s n (không ho t ng t i tr s). Bán buôn máy móc, thi t b và ph tùng máy khai khoáng, xây d ng. Bán buôn ph tùng và các b ph n ph tr c a ô tô và xe có ng c . Bán buôn s t, thép.

+ V n i u l ng ký : 11.766.000.000 ng .

V n i u l th c góp : 11.766.000.000 ng

+ T l s h u c a Công ty CP T & XD công trình 3 t i Công ty con là : 55,0 %

• **Công ty c ph n Xây d ng công trình Tr ng L c:**

Công ty C ph n Công trình Tr ng L c (“Công ty”) c thành l p theo gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh s 0306560048 ng ký l n u ngày 02 tháng 01 n m 2009; ng ký thay i l n th t ngày 07 tháng 3 n m 2013 do S K ho ch và u t Thành ph H Chí Minh c p.

+ a ch : S 25 ng 270 A – Khu nhà Nam Hòa – Khu ph 4 – Ph ng Ph c Long A – Qu n 9 – Thành ph H Chí Minh

+ Ngành, ngh kinh doanh: Xây d ng công trình giao thông; nhà các lo i, công trình công nghi p; công trình th y l i; ng dây d i 35KV, xây d ng công trình k thu t dân d ng khác. Xây d ng công trình công ích. Hoàn thi n công trình xây d ng. Phá d và chu n b m t b ng. S n xu t c u ki n bê tông; các s n ph m t xi m ng, th ch cao (không ho t ng t i tr s). S a ch a máy móc, thi t b (không gia công c khí, tái ch ph th i, xi m i n t i tr s). L p t máy móc và thi t b công nghi p. B o d ng, s a ch a ô tô và xe có ng c (không gia công c khí, tái ch ph th i, xi m i n t i tr s). L p t h th ng c p, thoát n c. L p t h th ng xây d ng khác. V n t i hàng hóa b ng ô tô. Bán buôn v t li u, thi t b l p t trong xây d ng. Thí nghi m, ki m nghi m v t li u xây d ng. S n xu t các c u ki n kim lo i (không ho t ng t i tr s). Gia công c khí; x lý và tráng ph kim lo i (không ho t ng t i tr s). Bán buôn máy móc, thi t b và ph tùng máy khai khoáng

xây dựng. Cho thuê máy móc, thi công và lắp đặt máy khai khoáng xây dựng; ngành công nghiệp. Bán buôn lắp đặt và các bộ phận phụ tùng ô tô và xe có động cơ. Bán buôn sắt, thép.

+ Vốn đầu tư đăng ký : 9.999.900.000 VNĐ

Vốn đầu tư góp : 9.999.900.000 VNĐ

+ Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ Công ty con: 53,10 %

• **Công ty TNHH MTV cơ khí và xây dựng công trình :**

+ Công ty TNHH MTV cơ khí và xây dựng là công ty TNHH có thành lập theo quy định của pháp luật kinh doanh và đăng ký thuế số 3400858341 ngày 02 tháng 4 năm 2010 do S. KH và Trần Bình Thuận chấp thuận.

+ Địa chỉ : Lô C7-I, Đường D1, KCN Hàm Kiệm I – Bình Thuận.

+ Lĩnh vực kinh doanh chính : Gia công cơ khí.

+ Vốn đầu tư đăng ký : 15.000.000.000 VNĐ

Vốn đầu tư góp : 15.000.000.000 VNĐ

+ Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ Công ty con: 100 %

• **Công ty Cổ phần Xây dựng công trình Nam Tín :**

Công ty Cổ phần Công trình Nam Tín (“Công ty”) có thành lập theo quy định của pháp luật kinh doanh số 0309949555 đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 04 năm 2010; đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 13 tháng 12 năm 2013 do S. K. Hồ Chí Minh và Trần Thành Chí Minh chấp thuận.

+ Địa chỉ : Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

+ Ngành, nghề kinh doanh: Xây dựng công trình kết cấu dân dụng khác; Gia công cơ khí, xilô và tráng phủ kim loại; Sản xuất sắt, thép, gang; Sản xuất bê tông và các sản phẩm xi măng và thạch cao; Xây dựng công trình nông nghiệp và thủy lợi; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; Sản xuất các sản phẩm kim loại đúc sẵn; Sản xuất máy móc, thi công; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình công ích; Pháo đài; Lắp đặt thiết bị điện; Lắp đặt thiết bị thủy lực, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn, sản xuất ô tô và xe có động cơ khác; Bán lắp đặt và các bộ phận phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn máy móc thi công và lắp đặt máy khác;

Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Vận tải hành khách đường sắt; Vận tải hàng hóa đường sắt; Vận tải hành khách đường biển khác; Vận tải hàng hóa bằng đường biển; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bán buôn thuốc.

+ Vận dụng ký : 4.500.000.000 đồng.

Vận dụng thực góp từ 31/12/2014 : 3.925.380.000 đồng.

+ Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ Công ty con: 63.39 %

V. Những phát triển :

1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

Mục tiêu chung của công ty :

Phát triển Công ty thành T & XD công trình 3 trở thành doanh nghiệp mạnh trong nước và trong khu vực, kinh doanh đa ngành, trong đó ngành xây dựng giao thông giữ vai trò chủ đạo đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành đường sắt và yêu cầu phát triển của đất nước.

Đảm bảo trung thực, minh bạch và bền vững, không ngừng nâng cao uy tín, chất lượng sản phẩm và thương hiệu của Công ty, bảo toàn và phát triển vốn của công ty hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch mà Hội đồng quản trị đã thông qua.

Mục tiêu chính năm 2015 :

Tổng giá trị sản xuất : 458 triệu đồng.

Doanh thu : 410 triệu đồng

Lợi nhuận trước thuế : 12 triệu đồng

Thu nhập bình quân tăng 7% so với năm 2014

Khoản chi phí tài chính năm 2015 : 12%

2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Trong bối cảnh khó khăn chung của ngành xây lắp, quá trình tái cấu trúc doanh nghiệp mà đặc biệt là các doanh nghiệp trong ngành đường sắt diễn ra mạnh mẽ. Các công trình công ty thi công sẽ được vận ngân sách, vốn trái phiếu chính phủ, kế hoạch vốn thế chấp, công tác phê duyệt hồ sơ qua nhiều bước, dẫn đến việc thu hồi vốn còn chậm rãi, nhiều dự án, sẽ cạnh tranh trên thị trường ngày càng khốc liệt.

Trước tình hình khó khăn đó, ban lãnh đạo Công ty đã xác định cần tập trung vào các giải pháp:

Simplify cấu trúc; tuyển dụng, đào tạo và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực; Kiên toàn và củng cố tổ chức các phòng, chuyên môn hóa và nghiệp vụ, các xí nghiệp nâng lực thi công các công trình xây dựng, nâng kỹ thuật cao, ưu tiên thi công khó khăn. Nâng cao năng lực cán bộ lãnh đạo và người lao động các phòng, các nhân viên thành viên, xây dựng quy hoạch và đánh giá cán bộ, luân chuyển và ưu tiên cán bộ thực địa công ty quản lý, tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, ưu tiên hành sự xuất kinh doanh. Tăng cường công tác kiểm soát và quản lý văn hóa Công ty từ tất cả nhân viên thành viên.

Nghiên cứu và áp dụng công nghệ mới; đầu tư mua sắm thêm máy móc thiết bị giúp cải thiện ưu tiên làm việc nghiêm túc, chắc chắn, nguy hiểm của người lao động, nhằm nâng cao toàn diện năng lực của doanh nghiệp có thể tham gia những gói thầu lớn hơn. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình 31 là chủ nhân chủ lực phân đầu tư xây dựng cơ bản ngành hàng đầu trong ngành công nghiệp, khai thác sâu hơn và đẩy mạnh hơn thị trường xây dựng; mở rộng và phát triển các ngành nghề liên quan.

Chú trọng công tác an toàn lao động, an toàn cháy nổ, an toàn thiết bị, an toàn chất lượng, tổ chức mạng lưới an toàn viên. Thực hiện nghiêm chỉnh quy trình, quy phạm của ngành sát Việt Nam về công tác an toàn cháy nổ trong ưu tiên và thi công và có tàu chày, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát an toàn lao động, an toàn cháy nổ, chấp hành quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật, không xảy ra tai nạn nghiêm trọng và nghiêm trọng do chủ quan gây ra.

Thực hiện nghiêm túc và theo đúng quy định pháp luật hiện hành công tác kế toán và thuế, hoàn thành báo cáo tài chính, kiểm toán báo cáo tài chính, công bố thông tin theo quy định. Khai thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định.

Mở rộng thu nhập và các chính sách theo quy định hiện hành cho người lao động. Tăng cường công tác mở rộng an sinh xã hội vì lợi ích cán bộ, công nhân viên và người lao động, cải thiện ưu tiên làm việc, sinh hoạt, nâng cao cán bộ công nhân viên và người lao động làm việc tại các công trình có ưu tiên thi công khó khăn phức tạp.

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, môi trường làm việc thân thiện – đây là yếu tố quản trị nội bộ và văn hóa con người lao động và tổ chức nhân viên là những yếu tố quan trọng trong tình hình triển khai công nghệ lâu dài.

3. Các mục tiêu về môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty :

Tích cực tham gia hàng loạt các phong trào vì mục tiêu làm cho môi trường làm việc, môi trường sống ngày càng trong lành, thoải mái phát triển bền vững.

Không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống của người lao động và vật chất tinh thần, thoải mái bình đẳng và tiến bộ, thi công các công trình tuy vất vả nhưng đảm bảo an toàn, quy trình làm việc luôn công minh.

Đảm bảo, tham gia các hoạt động xã hội, thiện nguyện, các đoàn thể công nhân các tổ chức thiện nguyện khác nhằm hướng tới mục tiêu an sinh, bình đẳng trong xã hội.

IV. Các rủi ro.

1. Rủi ro do các yếu tố quản trị.

Công tác quản trị nội bộ trung tâm trọng tâm của công nghệ nhân lực. Việc tìm hiểu thông tin, đánh giá và phân tích áp dụng của công nghệ và những thay đổi trong quá trình đổi mới công nghệ triển khai thi công nếu không sát thực tế sẽ khó có thể dự đoán và tránh được những rủi ro về triển khai công nghệ sản phẩm mới, đặc biệt là thất bại.

Quá trình thi công các công trình xây dựng luôn cần trung tâm trọng tâm của công nghệ. Việc thực hiện các thi công các công trình là trọng tâm trên công nghệ, công tác quản lý kỹ thuật đòi hỏi nhân lực của các bộ phận, cán bộ quản lý phải ngày càng nâng cao. Công tác huy động, vận hành cho các công trình cần nhiều thiết bị, thi công, lập kế hoạch cho các công trình mới, việc thu hút và phân bổ nguồn nhân lực kỹ thuật là sự kiện gây không ít rủi ro về mặt tài chính cho nhà thầu.

Các công trình thi công luôn đòi hỏi nhân lực hiện tại nhân sự chuyên môn của công nghệ. Vì vậy công tác an toàn lao động, an toàn chập chới, phòng cháy nổ phải luôn được chú trọng.

Thực tế trên đòi hỏi các nhà thầu phải không ngừng nâng cao trình độ và kỹ thuật: tổ chức quản lý, đào tạo đội ngũ cán bộ, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đầu tư nâng cao năng lực máy móc thiết bị, có nguồn vốn đầu tư mạnh mẽ, nhân lực chuyên môn cao.

quảng v n c a mình b ra là có lãi, m t khác nâng cao c trình thi công công trình, nâng cao uy tín c trên th tr ng.

2. R i ro do các y u t khách quan tác ng t bên ngoài.

R i ro do các y u t ng u nhiên nh môi tr ng, khí h u: Do c i m c a ngành xây d ng ch y u là s n xu t ngoài tr i trong th i gian dài nên các y u t th i ti t, khí h u có nh h ng r t l n n th i gian th c hi n các gói th u, ch t l ng và chi phí c a gói th u.

R i ro do nh ng bi n ng b t ng c a th tr ng: Xây d ng là m t trong nh ng ngành kinh t quan tr ng và chi m m t l ng v n u t r t l n c a n n kinh t qu c dân. Nh ng bi n ng dù l n hay nh và b t ng c a th tr ng, t các ch chính sách trong và ngoài n c u nh h ng n các d án xây d ng, các bi n ng nh : t giá, lãi su t, chính sách ti n t ho c giá hàng hóa, v t t u vào.... Các bi n ng này em theo các r i ro v m t tài chính i v i các gói th u, ng th i nh h ng n ti n th c hi n các gói th u, th ng hi u và hình nh c a nhà th u.

R i ro n t các i th c nh tranh trong công tác u th u: Trong công tác u th u ngoài nh ng nhà th u c nh tranh lành m nh, vì m c tiêu cho ra nh ng s n ph m ch t l ng cao v i chi phí th p nh t còn có nh ng i th c nh tranh thi u lành m nh, dùng th o n, thôn tính nh m m c ích tr c l i b t chính, gây t n h i cho nhà n c, em l i hình nh x u cho các nhà th u xây l p nói chung.

3. R i ro do các nguyên nhân k thu t: liên quan n vi c u t , trang b máy móc, thi t b ph c v cho quá trình thi công xây d ng và vi c s d ng các máy móc thi t b ó.

Vi c t p trung vào vi c u t trang thi t b và các công ngh tiên ti n vào công tác thi công nh m m b o ti t ki m chi phí, nâng cao n ng su t lao ng, rút ng n ti n và nâng cao ch t l ng thi công công trình là c n thi t. Tuy nhiên, c n quan tâm n các r i ro trong u t mua s m máy móc thi t b :

- + Kh n ng thu h i v n u t ch m do công vi c không liên t c.
- + R i ro do hao mòn vô hình: do s ti n b c a khoa h c k thu t gây ra
- + R i ro do u t mua s m thi t b không ng b d n n vi c làm ch m quá trình a máy móc thi t b vào s d ng, gây ng v n u t và kéo theo các nh h ng l n khác n d án.

+ Rủi ro do thiếu thông tin, kinh nghiệm trong việc mua sắm trang thiết bị nên phải sử dụng công nghệ lạc hậu.

+ Rủi ro trong việc sử dụng máy móc thiết bị:

- Không có sự phù hợp giữa trình độ chuyên môn kỹ thuật và máy móc công nghệ mới: máy móc thiết bị hiện tại trong khi người công nhân chưa được đào tạo, chưa biết cách thao tác hoặc chưa thành thạo, ý thức kỷ luật chưa cao, phần lớn người lao động khi sử dụng thiết bị thường đi kèm với máy móc nhanh hỏng công nghệ lỗi thời các rủi ro liên quan đến an toàn lao động, an toàn hàng xa, an toàn chuyến tàu; các điều kiện bảo trì chưa đảm bảo, kết hợp với điều kiện khí hậu khắc nghiệt Việt Nam làm cho thời gian sử dụng máy móc ngắn.

- Khả năng thiếu các máy móc thiết bị và người sử dụng: công suất hoạt động của máy móc thiết bị mới nhiều khi chưa thể xác định chính xác ngay từ đầu; năng suất lao động của người công nhân hay kỹ thuật viên điều khiển các máy móc thiết bị mới có thể ảnh hưởng tiêu cực trong thời gian đầu sử dụng.

PHẦN II – TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Các chỉ tiêu tài chính về doanh thu, lợi nhuận thực tế trong năm 2014 như sau

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Theo BCTC riêng	Theo BCTC hợp nhất
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	414,640	489,368
2	Tổng LN trước thuế	Triệu đồng	12,948	11,288
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	10,381	8,388
4	Cổ tức 2014 (Đã kiến)	%	13	

2. Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 so với kế hoạch tổng SXKD năm 2013 và so với kế hoạch năm 2014

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện 2013	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014	% tăng, giảm	% hoàn thành KH
1	Tổng sản lượng	triệu đồng	555,200	403,000	403,321	73%	100%
2	Tổng doanh thu	nt	474,210	403,000	414,640	87%	103%
3	Tổng chi phí	nt	455,765	390,000	401,692	88%	103%
4	Lợi nhuận trước thuế	nt	18,445	13,000	12,948	70%	100%
5	Thuế TNDN	nt	4,849	2,860	2,566	53%	90%
6	Cổ tức	%	17	13	13	76%	100%
7	Thu nhập bình quân	đ/ng/th	9,542,000	10,209,940	9,213,000	97%	90%

Ghi chú về nguồn các chỉ tiêu :

- *Thực hiện năm 2014 : các chỉ tiêu tài chính của Báo cáo riêng*
- *Khoạch năm 2014 : theo Kế hoạch chi u chi nh l n l (Ngh quy t C ồng Cty CP T & XD công trình 3 – thông qua bằng hình thức l ý ki n b ng v n b n ngày 9 tháng 1 n m 2015)*
- *C t c th c hi n n m 2014 (d ki n trình H C 2015)*
- *S li u h p nh t 2014 : Công ty c p h n Nam Ti n h p nh t trong n m 2014*

II. T ch c và nhân s

1. Danh sách Ban i u hành:

1.1 Danh sách :

Ông Phạm Văn Thúc	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty
Ông Phạm Ngọc Côi	Thành viên HĐQT- Phó Tổng Giám đốc Công ty
Ông Nguyễn Văn Soát	Thành viên HĐQT- Phó Tổng Giám đốc Công ty
Bà Nguyễn Kim Chinh	Thành viên HĐQT- Kế toán trưởng Công ty
Ông Lê Văn Nhng	Thành viên HĐQT- Phó Tổng Giám đốc Công ty
Ông Nguyễn Quang Vinh	Thành viên HĐQT- Phó Tổng Giám đốc Công ty
Ông Nguyễn Quốc Cường	Thành viên HĐQT
Ông Phạm Trọng Sơn	Phó Tổng Giám đốc Công ty
Ông Trần Quốc Hoàn	Phó Tổng Giám đốc Công ty
Ông Nguyễn Quang Thịnh	Phó Tổng Giám đốc Công ty

1.2 Lý lịch tóm tắt và tài sản hữu hình :

H i ng qu n tr :

1-Ông Ph m V n Thúy: Ch t ch H QT kiêm T ng Giám c Công ty

Gi i tính : Nam - N m sinh: 14/4/1960.

N i sinh: Yên M – Yên Mô – Ninh Bình. - Qu c T ch: Vi t Nam

a ch th ng trú : 28/19 Tr n Thi n Chánh – Ph ng 12 – Qu n 10 –TP. H Chí Minh

Trình v n hóa: 10/10 - Trình chuyên môn: K s ng s t.

Quá trình công tác:

- T tháng 3/1983 n tháng 9/1999: Công tác t i Công ty công trình 6 – ông Anh – Hà N i.
- T tháng 10/1999 n tháng 8/2004: Giám c Công ty công trình ng s t 3.
- T tháng 9/2004 n nay : Ch t ch H QT kiêm T ng Giám c Công ty c ph n u t và xây d ng công trình 3.

Các t ch c khác: Bí th ng y Công ty.

Hành vi vi ph m pháp lu t: Không

Quy n l i mâu thu n v i l i ích Công ty: Không

S c phi u n m gi n ngày 13/04/2014: 670.072 CP – T l : 10,95 %

2- Ông Ph m Ng c Côi: Thành viên H QT kiêm Phó T ng giám c Công ty

Gi i tính : Nam - N m sinh: 17/3/1955.

N i sinh: Yên Bái - Qu c T ch: Vi t Nam

a ch th ng trú:143A/18 Ung V n Khiêm – Ph ng 25 – Qu n Bình Th nh –TP. HCM

Trình v n hóa: 10/10 - Trình chuyên môn: K s ng s t

Quá trình công tác:

- T tháng 8/1979 n tháng 8/2004 : Công tác t i Công ty công trình ng s t 3.
- T tháng 9/2004 n nay: Thành viên H QT kiêm Phó T ng giám c Công ty C ph n u t và xây d ng công trình 3.

Các t ch c khác: UV BCH ng b Công ty.

Hành vi vi ph m pháp lu t: Không

Quy n l i mâu thu n v i l i ích Công ty: Không

S c phi u n m gi n ngày 13/04/2015 : 172.307 CP – T l : 2,82 %

3- Ông Nguy n c Soát: Thành viên H QT kiêm Phó T ng giám c Công ty

Gi i tính : Nam - N m sinh: 24/12/1955.

N i sinh: Ngh a Hòa – Ngh a àn – Ngh An – Qu c T ch: Vi t Nam

a ch th ng trú : 512/9 Tr ng Chinh – Ph ng 14 – Qu n Tân Bình –TP. HCM

Trình v n hóa: 10/10 - Trình chuyên môn: K s ng s t

Quá trình công tác:

- T tháng 5/1980 n tháng 8/2004: công tác t i Công ty công trình ng s t 3
- T tháng 9/2004 n tháng 2/2006 : TV H QT kiêm Tr ng phòng KT – CN, Công ty C ph n u t và xây d ng công trình 3
- T tháng 3/2006 n nay: Thành viên H QT kiêm Phó T ng giám c - Công ty C ph n u t và xây d ng công trình 3.

Các t ch c khác: Không

Hành vi vi ph m pháp lu t: Không

Quy n l i mâu thu n v i l i ích Công ty: Không

S c phi u n m gi n ngày 13/04/2015 : 29.276 CP – T l : 0,48 %

4- Bà Nguy n Kim Chinh: Thành viên H QT kiêm K toán tr ng Công ty

Gi i tính : N - N m sinh: 6/4/1968.

N i sinh: H i Phòng - Qu c T ch: Vi t Nam

a ch th ng trú: 143A/36 Ung V n Khiêm – Ph ng 25 – Qu n Bình Th nh –TP. HCM.

Trình v n hóa: 10/10 - Trình chuyên môn: C nhân kinh t

Quá trình công tác:

- T tháng 9/1992 n tháng 8/2004: Công tác t i Công ty công trình ng s t 3
- T tháng 9/2004 n nay: Thành viên H QT kiêm K toán tr ng, Công ty c ph n T & XD công trình

Các t ch c khác: Phó Ch t ch Công oàn Công ty

UV BCH ng b Công ty

Hành vi vi ph m pháp lu t: Không

Quy n l i mâu thu n v i l i ích Công ty: Không

S c phi u n m gi n ngày 13/04/2015 : 116.187 – T l : 1,90 %

5- Ông ào Qu c C ng: Thành viên H QT ñoã lập

Gi i tính : Nam - N m sinh: 12/3/1961.

N i sinh: ng a – Hà N i, Qu c T ch: Vi t Nam

a ch th ng trú : 96/6/1 Nguy n Thông – Ph ng 9 – Qu n 3 –TP. HCM

Trình v n hóa: 10/10 - Trình chuyên môn: Th c s k thu t chuyên ngành công trình.

Quá trình công tác:

- T tháng 5/1987 n tháng 5/1990: i tr ng Xí nghi p qu n lý S Sài Gòn-M ng Mán.
- T tháng 6/1990 n tháng 5/1996: Phó phòng K thu t – K ho ch, Xí nghi p qu n lý S Sài Gòn-M ng Mán (Nay là Công ty QL S Sài Gòn).
- T tháng 6/1996 n tháng 5/2005:Chuyên viên k thu t – Xí nghi p Liên h p v n t i ng s t khu v c 3.
- T tháng 6/2005 n tháng 4/2013: Phó tr ng Phân ban qu n lý c s h t ng S khu v c 3.
- T tháng 5/2013 n nay: Phó tr ng Phân ban qu n lý c s h t ng S khu v c 3.Thành viên H QT Công ty c ph n u t và Xây d ng công trình 3.
Hành vi vi ph m pháp lu t: Không
Quy n l i mâu thu n v i l i ích Công ty: Không
S c phi u n m gi n ngày 13/4/2015 : Không

6- Lê V n Nh ng : Thành viên H QT

Gi i tính: Nam – N m sinh: 27/5/1966.

N i sinh: Xuân Trúc – Ân Thi – H ng Yên – Qu c T ch: Vi t Nam

a ch th ng trú:143A/89 Ung V n Khiêm – Ph ng 25 – Qu n Bình Th nh –TP. HCM.

Trình v n hóa: 10/10 - Trình chuyên môn: K s công ngh , c khí ng l c

Quá trình công tác:

- T tháng 11/1985 n tháng 12/1999 : Công tác t i – Công ty Công trình 6.
- T tháng 1/2000 n tháng 8/2004: Công tác t i - Công ty công trình ng s t 3
- T tháng 9/2004 tháng 9/2009: Thành vi n H QT công ty kiêm Giám c Xí nghi p 306 – Công ty c ph n u t và xây d ng công trình 3
- T tháng 10/2009 tháng 10/2013: Thành viên H QT c l p – Giám c Công ty C ph n công trình Thành Phát.
- T tháng 11/2013 n nay : Thành viên H QT kiêm Phó T ng giám c Công ty c ph n u t và xây d ng công trình 3 – Giám c Công ty C ph n công trình Thành Phát,
Các t ch c khác: Phó Bí th ng y Công ty CP T & XD CT3

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quy định nội mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Số cổ phiếu nắm giữ ngày 13/04/2015 : 192.578 CP – Tỷ lệ : 3,15 %

7- Ông Nguyễn Quang Vinh : Thành viên HĐQT

Giới tính : Nam - Ngày sinh: 15/01/1973.

Nơi sinh: Thanh Phong – Thanh Liêm – Hà Nam - Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 143A/60 Ung Văn Khiêm – Phường 25 – Quận Bình Thạnh – TP. HCM.

Trình độ văn hóa: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng công nghệ

Quá trình công tác:

- Từ tháng 2/1990 đến tháng 3/2001: Trung Úy, Kỹ sư công nghệ tại Lữ Đoàn Công binh 25 – Quân khu 9.
- Từ tháng 4/2001 đến tháng 8/2004: Công tác tại - Công ty công trình xây dựng số 3
- Từ tháng 9/2004 đến tháng 12/2008: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Xí nghiệp 305 – Công ty Cổ phần xuất và xây dựng công trình 3
- Từ tháng 01/2009 đến tháng 10/2013: Thành viên HĐQT cấp – Giám đốc Công ty Cổ phần xây dựng công trình Trùng Lũc
- Từ tháng 11/2013 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần xuất và xây dựng công trình 3. Giám đốc Công ty Cổ phần xây dựng công trình Trùng Lũc,

Các tổ chức khác: UV BCH thành viên Công ty Cổ phần T & XD công trình 3.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quy định nội mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Số cổ phiếu nắm giữ ngày 13/4/2015: 349.794 CP – Tỷ lệ : 5,72 %

Ban Tổng Giám đốc:

1- Ông Phạm Văn Thúy: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty

2- Ông Phạm Ngọc Côi: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty

3- Ông Nguyễn Văn Soát: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty

4- Ông Lê Văn Nhàn : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty

5- Ông Nguyễn Quang Vinh : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty

6- Ông Nguyễn Quang Thành : Phó Tổng giám đốc Công ty

Giới tính : Nam - Năm sinh: 08/02/1978.

Nơi sinh: Quận Ngãi - Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 43 Trần Minh Quyên – Phường 10, Quận 10, TP. HCM

Trình độ văn hóa: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng công nghệ

Quá trình công tác:

- Từ tháng 12/2001 đến tháng 9/2004 : Công tác tại - Công ty công trình nghệ thuật 3.
- Từ tháng 10/2004 đến tháng 12/2006: Công tác tại - Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng công trình 3.
- Từ tháng 01/2007 đến tháng 6/2014: Giám đốc XN 301 - Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng công trình 3.
- Từ tháng 7/2014 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng công trình 3 kiêm Giám đốc XN 301.

Các tổ chức khác: không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quy định lệ mua thu nhập viên ích Công ty: Không

Số cổ phiếu nắm giữ đến ngày 13/4/2015 : 6.619 CP – Tỷ lệ : 0,10 %

7- Ông Phạm Trọng Sơn: Phó Tổng giám đốc Công ty

Giới tính : Nam - Năm sinh: 4/8/1962.

Nơi sinh: Yên Lạc – Ông Trĩu – Quận Ninh - Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Khu phố 3 – Phường Bửu Long – Biên Hòa – Tỉnh Nai

Trình độ văn hóa: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư nghệ thuật

Quá trình công tác:

- Từ tháng 11/1985 đến tháng 10/2000: Công tác tại, Mithras Vàng danh – Ông Bí - Quận Ninh.
- Từ tháng 11/2000 đến tháng 9/2004: Công tác tại - Cty công trình nghệ thuật 3
- Từ tháng 10/2004 đến tháng 3/2007: Kỹ sư - Kỹ thuật viên, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình 3.
- Từ tháng 4/2007 đến tháng 12/2008: Phó trưởng phòng Kỹ thuật-Công nghệ , Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình 3.
- Từ tháng 01/2009 đến tháng 5/2010: Phó Giám đốc Xí nghiệp Thi công và kiểm soát công trình, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình 3.

- Từ tháng 6/2010 đến tháng 9/2012: Giám đốc Xí nghiệp T v n thi t k và ki m nh công trình, Công ty c ph n u t và Xây d ng công trình 3.
 - Từ tháng 10/2012 đến nay: Phó t ng giám c kiêm Giám c Xí nghiệp T v n thi t k và ki m nh công trình, Công ty c ph n T và XD công trình 3.
- Các t ch c khác: Không
- Hành vi vi ph m pháp lu t: Không
- Quy n l i mâu thu n v i l i ích Công ty: Không
- S c phi u n m gi n ngày 13/04/2015 : 4.485 CP – T l : 0,07 %

8- Ông Trần Quốc Hoàn : Phó T ng giám c Công ty

Gi i tính : Nam - N m sinh: 6/4/1975

N i sinh: Hà Tĩnh - Qu c T ch: Vi t Nam

Địa ch th ng trú : 143A/68 Ung v n Khiêm – Ph ng 25 – Q.Bình Th nh –TP. HCM

Trình v n hóa: 10/10 - Trình chuyên môn: K s Xây d ng c u h m

Quá trình công tác:

- Từ tháng 8/1994 đến tháng 6/2004: Công tác t i – Công ty ch t o d m thép và xây d ng Th ng Long ông Anh – Hà N i.
- Từ tháng 7/2004 đến tháng 9/2004: Công tác t i – Công ty Công trình ng s t 3.
- Từ tháng 10/2004 đến tháng 4/2013: Giám c Xí nghiệp C khí và Xây d ng – Công ty c ph n u t và Xây d ng Công trình 3.
- Từ tháng 5/2013 đến nay: Giám c Xí nghiệp C khí và Xây d ng kiêm Phó t ng Giám c Công ty c ph n u t và Xây d ng Công trình 3.

Các t ch c khác: Không

Hành vi vi ph m pháp lu t: Không

Quy n l i mâu thu n v i l i ích Công ty: Không

S c phi u n m gi n ngày 13/4/2015: 312.116 CP – T l : 5,1 %

2. Nh ng thay i trong ban i u hành:

- Thay i gi m : Gi m 02 Phó t ng giám c công ty :
 - Ông V Công Hòa ngh h ng ch h u trí t ngày 01/4/2014 (Quy t nh 84/Q -CT3 ngày 03 tháng 3 n m 2014 c a T ng giám c Công ty và Quy t nh 2657/Q -BHXH ngày 01 tháng 4 n m 2014 c a Giám c BHXH TP.HCM)

- Ông Nguyễn Xuân Nguyên nghỉ hưu chính thức ngày 01/7/2014 (Quyết định 278/Q -CT3 ngày 08 tháng 5 năm 2014 của Tổng giám đốc Công ty và Quyết định 4110/Q -BHXH ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Giám đốc BHXH TP.HCM)

• Thay thế bằng : Tổng 01 Phó Tổng giám đốc công ty

- Ông Nguyễn Quang Thịnh bổ nhiệm mới ngày 15/7/2014 (Quyết định số 472/Q /CT3 –CB ngày 10/7/2014)

3. Tổng số CBCNV tính đến ngày 31/12/2014 như sau:

- Tổng số CBCNV Công ty là : 287 người (trong đó : 20 người)
 - Trong đó : - H L không xác định : 287 người
 - H L xác định 2-3 năm : 0 người
- Tổng số CBCNV Công ty Thành Phát là: 96 người (trong đó : 05 người)
 - Trong đó: - H L không xác định : 78 người
 - H L xác định 2-3 năm : 18 người
- Tổng số CBCNV Công ty Trường là: 27 người (trong đó : 06 người)
 - Trong đó: - H L không xác định : 4 người
 - H L xác định 2-3 năm : 23 người
- Tổng số CBCNV Công ty Nam Tiến là: 19 người (Trong đó 03 người)
 - Trong đó: - H L không xác định : 13 người
 - H L xác định : 06 người

3.1 Kết cấu theo trình độ :

Công ty cổ phần T và XD công trình 3:

Kỹ sư, cao cấp: 79 người (trong đó : 08 người)
 Sĩ quan, Trung cấp: 12 người (trong đó : 08 người)
 Công nhân ngành nghề kỹ thuật: 196 người (trong đó : 04 người)

Công ty Thành Phát (Công ty con)

Kỹ sư, cao cấp: 23 người (trong đó : 03 người)
 Sĩ quan, Trung cấp 09 người (trong đó : 02 người)
 Công nhân ngành nghề kỹ thuật: 64 người

Công ty Trường L (Công ty con)

Chỉ huy, cao cấp: 18 người (trong đó: 05 người)

Công nhân ngành nghề kỹ thuật: 9 người

Công ty Nam Tín (Công ty con)

Chỉ huy, cao cấp: 10 người (trong đó: 01 người)

Sĩ quan, trung cấp: 03 người (trong đó: 02 người)

Công nhân ngành nghề kỹ thuật: 06 người

3.2 Các chính sách đãi ngộ nhân lực:

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là công tác ưu tiên hàng đầu của Công ty vì mục tiêu xây dựng một đội ngũ CBCNV có kinh nghiệm, chuyên môn nghiệp vụ giỏi, tay nghề cao và am hiểu công việc phù hợp với yêu cầu ngày càng cao của công việc, góp phần vào sự phát triển của Công ty.

Để đáp ứng yêu cầu, ngoài việc tổ chức đào tạo nội bộ, các nhân viên làm qua thực tế công việc của Công ty còn tổ chức các khóa học ngoại ngữ, chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cao và am hiểu công việc phù hợp với yêu cầu ngày càng cao của công việc, góp phần vào sự phát triển của Công ty.

Việc quan tâm nguồn nhân lực con người là tài sản quý giá nhất của Công ty, chính sách đãi ngộ nhân lực quy định chi tiết công việc, Công ty luôn coi trọng và ưu tiên, đào tạo nguồn nhân lực là một trọng tâm hàng đầu trong chính sách phát triển. Cùng với việc nâng cao chất lượng tuyển dụng, việc đãi ngộ nhân lực của Công ty cũng được chú trọng nâng cao trình độ và hình thức khác nhau. Các nhân viên của Công ty được đưa vào các dự án và dự án làm việc các dự án. Nhờ đó Công ty đã tạo được một môi trường thu hút nguồn nhân lực “chất xám”, đào tạo phát triển các nhân sự có kỹ năng quản lý nhân lực.

• Công tác đào tạo:

Năm 2014 Công ty đã tổ chức huấn luyện ATV-S-BHL cho nhân viên lao động tại công trình và nhân viên 2001 tại các dự án.

Năm 2014 Công ty đã cử 73 cán bộ tham gia các chương trình đào tạo ngắn hạn bên ngoài nhằm nâng cao kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ và kiến thức cho nhân viên lao động.

nh : Quản lý, quản trị doanh nghiệp, thu, kế toán tài chính, ưu tiên, xây dựng, an toàn lao động, an toàn cháy tàu ...

• **Chính sách tiền lương, tiền thưởng:**

Công ty xây dựng Quy chế về quản lý và phân phối tiền lương áp dụng thống nhất trong toàn Công ty. Việc phân phối tiền lương thực hiện công khai, dân chủ, bám sát công bằng và hợp lý giữa các chức danh trong Công ty:

- + Nâng bậc lương hàng năm tối thiểu 35% trở lên
- + Hàng năm CBCNV thực hiện thi đua 13 tháng lương, ngoài ra còn thực hiện thêm lương theo năng suất và hoàn thành công việc vào các ngày Lễ, Tết...
- + Chi trả gia cấp cho người lao động, nguồn chi trả chi phí giá thành công trình.
- + Tiền thưởng gồm: Thưởng cho các cá nhân, nhân viên có thành tích trong SXKD, thi đua sáng kiến cải tiến kỹ thuật làm lợi cho Công ty, Thưởng thi đua hàng năm.
- + Thu nhập bình quân của CBCNV Công ty : 9.213.000 đồng/người/tháng

• **Chi phí nghỉ việc, tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN:**

Tất cả CBCNV chính thức của Công ty đều tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN và hưởng các chế độ trợ cấp phù hợp với Luật Lao động, Luật BHXH hiện hành:

+ Người lao động nghỉ việc Công ty trợ cấp thôi việc = 1/2 tháng lương / năm, cộng với phần lương (nếu có), tiền lương làm căn cứ tính trợ cấp thôi việc là tiền lương, tiền công theo hợp đồng lao động tính bình quân của 6 tháng liền kề trước khi chấm dứt hợp đồng lao động tại Công ty, thời gian tính trợ cấp tính đến hết ngày 31/12/2008.

+ Người ký tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động miễn tùy nghi nộp tiền và y theo Luật BHXH hiện hành.

+ Giữ quy tắc kỷ luật nghiêm minh, thái độ tốt cho người lao động, thực hiện tốt chế độ chính sách cho người lao động khi bị tai nạn lao động.

+ Thường xuyên chăm sóc sức khỏe cho người lao động: Người lao động khám sức khỏe định kỳ 01 lần/năm, người lao động nữ khám bệnh phụ khoa 02 lần/năm.

II - Tình hình ưu tiên, tình hình thực hiện các đề án

I. Tình hình ưu tiên :

Nghị quyết Hội đồng năm 2014 đã phê duyệt tổng mức đầu tư năm 2014 là 18,55 tỷ đồng; Trong năm 2014 công ty đã thực hiện được 2,6 tỷ đồng tăng 14% so với kế hoạch ban đầu, đạt 100% kế hoạch chi tiêu. Sản phẩm bán trong kế hoạch đầu tư năm 2014 như công ty đã thực hiện được do nhu cầu của hoạt động SXKD đã đáp ứng nên công ty chi tiêu kế hoạch đúng mức theo quy định. Trong quá trình sản xuất kinh doanh, nhân viên tiếp xúc với máy móc, thiết bị, nhà xưởng... phù hợp với nhu cầu phát triển bền vững của công ty.

2. Các công ty con (tóm tắt tình hình tài chính)

2.1 Công ty CP xây dựng công trình Trường Lạc:

Mức tiêu tài chính của công ty Trường Lạc (Theo số liệu Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty CP XD CT Trường Lạc):

	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2014	Năm 2013	Tỷ lệ tăng trưởng
V	Kết quả hoạt động kinh doanh				
1	Tổng doanh thu		149,027,581,686	129,416,910,404	115%
	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10-BCKQKD	148,807,899,318	128,212,815,047	116%
	Doanh thu hoạt động tài chính	21-BCKQKD	128,773,277	204,095,357	63%
	Thu nhập khác	31-BCKQKD	90,909,091	1,000,000,000	9%
2	Tổng chi phí		147,715,556,169	126,399,520,263	117%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	50-BCKQKD	1,312,025,517	3,017,390,141	43%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60-BCKQKD	971,178,577	2,245,301,892	43%
VI	Các chỉ tiêu khác				
1	Tổng số phát sinh phải nộp NS		15,379,680,000	12,686,400,000	121%
	Trong đó: Các loại thuế		15,379,680,000	12,686,400,000	121%
2	LN trước thuế / Vốn chủ sở hữu	%	10.49%	22.99%	46%
3	Tổng số nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu	%	909.71%	707.24%	129%
4	Tổng quỹ lương	đồng	4,772,000,000	5,554,000,000	86%
5	Số lao động bình quân (người)	Người	65	80	81%
6	Tiền lương bình quân người/năm	đồng	73,415,385	69,425,000	106%
8	Cổ tức	%/Vốn góp		13%	

Tình hình thực hiện so với Kế hoạch SXKD năm 2014:

- Tổng số vốn đầu tư : 164 tỷ đồng tăng 116,31% so với KH
- Tổng doanh thu thực hiện : 149,028 tỷ đồng tăng 110,39% so với KH
- Lợi nhuận trước thuế thực hiện : 1,312 tỷ đồng tăng 88,17% so với KH
- Đầu tư TSC trong năm 2014 : 11,742 tỷ đồng tăng 235% so với KH

- Thu nhập bình quân : 7.000.000 /ng i/tháng t 107.69 % so v i KH

2.2 Công ty CP công trình Thành Phát :

M t s ch tiêu tài chính c b n c a công ty Thành Phát (Theo s li u Báo cáo tài chính ã c ki m toán c a Công ty CP CT Thành Phát) :

	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2014	Năm 2013	Tỷ lệ tăng trưởng
V	Kết quả hoạt động kinh doanh				
1	Tổng doanh thu		97,381,435,515	79,716,507,705	122%
	Doanh thu thuần bán hàng và cung	10-BCKQKD	95,305,300,609	77,648,453,409	123%
	Doanh thu hoạt động tài chính	21-BCKQKD	151,977,050	29,891,955	508%
	Thu nhập khác	31-BCKQKD	1,924,157,856	2,038,162,341	94%
2	Tổng chi phí		93,705,326,497	75,800,780,346	124%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	50-BCKQKD	3,676,109,018	3,915,727,359	94%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60-BCKQKD	2,859,010,903	2,930,795,518	98%
VI	Các chỉ tiêu khác				
1	Tổng số phát sinh phải nộp NS		10,763,873,322	9,426,108,534	114%
	Trong đó : Các loại thuế		10,763,873,322	9,426,108,534	114%
2	LN trước thuế / Vốn chủ sở hữu	%	21.19%	23.71%	89%
3	Tổng số nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu	%	424.89%	509.50%	83%
4	Tổng quỹ lương	đồng	11,233,896,326	14,744,642,057	76%
5	Số lao động bình quân (người)	Người	108	159	68%
6	Tiền lương bình quân người/năm	đồng	104,017,559	92,733,598	112%
7	Cổ tức	%/Vốn góp	22%	15%	147%

Tình hình th c hi n so v i K ho ch SXKD n m 2014 :

- T ng s n l ng : 94,527 t ng t 97 % so v i KH
- T ng doanh thu t : 97,381 t ng t 129% so v i KH
- L i nhu n tr c thu t : 3,676 t ng t 98 % so v i KH
- u t TSC trong n m 2014 : 2,488 t ng t 497 % so v i KH
- Thu nhập bình quân : 8.668.130 /ng i/tháng t 102 % so v i KH
- C t c th c hi n (d ki n) : 22 % t 147% so v i KH

2.3 Công ty TNHH MTV C khí và xây d ng : ang trong quá trình th c hi n d án XD nhà máy ch a i vào SX

2.4 Công ty CP xây d ng công trình Nam Ti n

M t s ch tiêu tài chính c b n c a công ty Nam Ti n (Theo s li u Báo cáo tài chính ã c ki m toán c a Công ty CP xây d ng CT Nam Ti n)

	Chỉ tiêu	Mã số	Thực hiện năm 2014	Ghi chú
V	Kết quả hoạt động kinh doanh			
1	Tổng doanh thu		21,443,618,743	
	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch	10-BCKQKD	21,439,207,440	
	Doanh thu hoạt động tài chính	21-BCKQKD	4,411,303	
	Thu nhập khác	31-BCKQKD		
2	Tổng chi phí		20,938,254,740	
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	50-BCKQKD	505,364,003	
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60-BCKQKD	124,438,131	
VI	Các chỉ tiêu khác			
1	Tổng số phát sinh phải nộp NS		1,793,122,031	
	Trong đó : Các loại thuế		1,793,122,031	
2	LN trước thuế / Vốn chủ sở hữu	%	12.31%	
3	Tổng số nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu	%	231.33%	
4	Tổng quỹ lương	đồng	3,301,582,969	
5	Số lao động bình quân (người)	Người	48	
6	Tiền lương bình quân người/năm	đồng	69,236,246	
8	Cổ tức	%/Vốn góp		

III. Tình hình tài chính (Theo số liệu BCTC hợp nhất)

1. Tình hình tài chính chung :

Ch tiêu	/v tính	N m 2014	N m 2013	% t ng gi m
T ng giá tr tài s n	tri u	506,671	500,725	1.19%
Doanh thu thu n	tri u	485,917	533,355	-8.89%
L i nhu n t ho t ng kinh doanh	tri u	11,285	20,681	-45.44%
L i nhu n khác	tri u	4	3,186	-99.88%
L i nhu n tr c thu	tri u	11,288	23,868	-52.71%
L i nhu n sau thu	tri u	8,388	17,262	-51.41%
T l l i nhu n tr c t c	%	13%	17%	-23.53%

Ch tiêu c t c 2014 (là ch tiêu d ki n ch a thông qua H c ông 2014)

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	/v tính	N m 2014	N m 2013	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:				
TSL /Nợ ngắn hạn	lần	1.16	1.11	
+ Hệ số thanh toán nhanh:				
TSL - Hàng tồn kho	lần	0.69	0.60	
Nợ ngắn hạn				
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số N/T nợ tài sản	%	76%	77%	
+ Hệ số N/V nợ chủ sở hữu	%	366%	381%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho:				
<u>Giá trị hàng bán</u>	Vòng	2.32	2.77	
Hàng tồn kho bình quân				
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	96%	107%	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi				
+ Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	%	1.73%	3.24%	
+ Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	7.97%	17.06%	
+ Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	%	1.66%	3.45%	
+ Hệ số Lợi nhuận H KD/Doanh thu thuần	%	2.32%	3.88%	

IV. Các cuộc ông, thay đổi vốn thực hiện

1. Cổ phần:

Tổng số cổ phần của Công ty đã phát hành: 6.116.992 cổ phần tương ứng với vốn góp là 61.169.920.000 đồng.

Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phiếu phổ thông.

Tổng số cổ phần đang lưu hành (kể cả cổ phiếu quỹ): 6.116.992 cổ phần

Cổ phiếu Quỹ: 93 cổ phần

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật: Không

2. Các cuộc ông:

Các cuộc ông của Công ty CP T & XD công trình 3 từ ngày 13 tháng 04 năm 2015 (Theo danh sách đã đăng Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cùng cấp) như sau:

- Tổng số ông của công ty: gồm 240 cuộc ông với tổng số cổ phần đăng ký giao dịch là: 6.116.992 cổ phần. Số cổ phần đã lưu ký là: 913.047 cổ phần, Số cổ phần chưa lưu ký là: 5.203.945 cổ phần.

- Trong tổng số 240 công nhân có 02 công nhân là thành viên 238 công nhân là cá nhân, không có công nhân nước ngoài.
- Số công nhân mới tuyển 5% tổng số công nhân tăng lên là: 04 công nhân và tổng số công nhân mới là: 3.983.900 công nhân, trong đó 01 công nhân là thành viên: công nhân (Tổng công ty Công nghiệp Việt Nam) và số công nhân mới là: 2.651.918 công nhân.
- Số công nhân mới tuyển 1% công nhân nội địa 5% công nhân nhập khẩu cá nhân và tổng số công nhân mới là 1.106.404 công nhân.
- Số công nhân mới tuyển 1% công nhân nhập khẩu: 228 công nhân trong đó có 1 công nhân là thành viên (Công ty CP T & XD công trình 3 giai đoạn 93 công nhân).

3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư cơ bản:

Trong năm 2014 và qua Công ty CP T & XD công trình 3 thể hiện tình hình vốn đầu tư cơ bản như sau phát hành cổ phiếu tăng:

Số lượng cổ phiếu phát hành: 555.994 cổ phiếu tăng giá trị (theo mệnh giá) 5.559.940.000 (năm trăm năm mươi lăm triệu năm trăm năm mươi chín nghìn năm trăm năm mươi chín đồng chẵn.)
 Vốn đầu tư cơ bản sau phát hành: 61.169.920.000 đồng (Sáu mươi mốt tỷ năm trăm sáu mươi mốt triệu năm trăm chín mươi hai nghìn năm trăm năm mươi chín đồng chẵn./.)

4. Giao dịch cổ phiếu:

Số CP mua lại: 93 cổ phiếu. trong năm 2014 Công ty chưa mua lại và không thể hiện giao dịch cổ phiếu.

PHẦN III – BÁO CÁO ÁNH GIÁ CẢ BẠN TĂNG GIÁM ĐỊNH

I. Ánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2014 là năm khó khăn nói riêng về các doanh nghiệp trong ngành công nghiệp và về doanh nghiệp xây dựng nói chung. Về nhiệm vụ thay đổi trong chính sách; sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt; tình hình ngân thu hiện vẫn chưa, bố trí vốn cho các công trình còn hạn chế làm cho tình hình không thể hiện hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty.

Trước tình hình khó khăn đó, các sáng kiến của công ty, hình thức quản trị công ty đã phải điều chỉnh các kế hoạch sản xuất, doanh thu theo chi tiêu hàng năm so với kế hoạch ban đầu. Nhờ vượt qua khó khăn năm 2014 các nhân viên trong công ty vẫn cố gắng làm, cố gắng cán bộ công nhân viên vẫn cố gắng. Sự hỗ trợ của ngân hàng và vay, công tác thu hiện vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất kinh doanh của công ty. Tuy nhiên kết quả này là ưu tiên phải kể đến đó là vai trò chủ yếu, điều hành

sâu sát k p th i c a H i ng qu n tr công ty ng th i Ban T ng giám c cùng v i toàn th i ng cán b công nhân viên toàn Công ty ã nghiêm túc tri n khai th c hi n các ngh quy t c a H QT công ty ban hành v i s quy t tâm cao.

II. Tình hình tài chính : (Theo s li u Báo cáo h p nh t 2014)

1. Tình hình bi n ng tài s n , n và k t qu SXKD c a công ty :

Stt	N i dung	N m 2014	N m 2013	% T ng, gi m
A	T ng tài s n	506,670	500,725	1.19%
I	Tài s n ng n h n	438,891	419,934	4.51%
1	Ti n và các kho n t ng ng ti n	51,930	55,490	-6.41%
2	Các kho n u t tài chính ng n h n	2,800	1,300	115.38%
3	Các kho n ph i thu ng n h n	166,090	133,914	24.03%
4	Hàng t n kho	176,536	192,422	-8.26%
5	Tài s n ng n h n khác	41,534	36,808	12.84%
II	Tài s n dài h n	67,780	80,791	-16.10%
1	Tài s n c nh	45,201	50,353	-10.23%
	- Tài s n c nh h u hình	44,128	48,125	-8.31%
	<i>Nguyên giá</i>	120,622	109,558	10.10%
	<i>Giá tr kh u hao</i>	(76,494)	(61,433)	24.52%
	- Tài s n c nh thuê tài chính	-	1,338	
	<i>Nguyên giá</i>		2,436	
	<i>Giá tr kh u hao</i>		(1,098)	
	- Chi phí xây d ng c b n d đang	1,073	890	20.58%
2	các khoản ñau t tài chính dài hạn		2,500	
3	Tài s n dài h n khác	22,578	27,938	-19.18%
B	T ng ngu n v n	506,670	500,725	1.19%
I	N ph i tr	384,790	385,778	-0.26%
1	N ng n h n	379,828	379,710	0.03%
	<i>Trong ó n vay Ngân hàng</i>	162,369	193,816	-16.23%
2	N dài h n	4,962	6,068	-18.23%
	<i>Trong ó n vay Ngân hàng</i>	4,917	6,068	-18.97%
II	V n ch s h u	105,267	101,171	4.05%
	Trong ó:			
	<i>V n ut c ach s h u</i>	61,170	55,610	10.00%
III	L ích c a c ông thi u s	16,613	13,776	20.59%
C	K t qu ho t ng kinh doanh			
I	Doanh thu			
	Doanh thu bán hàng và cung c p d ch v	485,917	533,355	-8.89%
	<i>Trong ó : doanh thu xây l p</i>	481,374	521,848	-7.76%
	Doanh thu ho t ng tài chính	518	478	8.37%
	Thu nh p khác	2,933	5,630	-47.91%
II	L i nh n kinh doanh			
	L i nhu n g p v bán hàng và cung c p d ch v	51,756	57,082	-9.33%
	L i nhu n k toán tr c thu	11,288	23,868	-52.71%
	L i nhu n sau thu	8,388	17,262	-51.41%

III. Nh ng c i t i n v c c u t ch c, chính sách, qu n lý

1. Công tác hành chính qu n tr :

- Th c hi n vi c c i t o, ch nh trang, và trang b các h th ng t i n ích hi n i cho các phòng làm vi c, phòng h p t i các tr s nh m c i thi n và hi n i hóa i u ki n làm vi c cho các n v và toàn Công ty.
- T i p t c ch n ch nh vi c qu n lý và th c hi n k lu t lao ng các phòng, n v , nêu cao ý th c t giác, trách nhi m cá nhân, nh t là trách nhi m c a th tr ng n v trong vi c th c hi n các quy nh, n i quy lao ng bên c nh ó công ty c ng ã trang b thêm camera t i tr s v n phòng nh m m b o an toàn tài s n công ty c ng nh nâng cao giám sát vi c th c hi n n i quy lao ng , v n hóa công s nh m nâng cao n ng su t lao ng ...
- Xây d ng m i các quy ch , quy nh ho t ng; tri n khai th c hi n, ki m tra, theo dõi, t p h p các ý ki n óng góp hoàn thi n, b sung, s a i phù h p v i tình hình hi n nay c a Công ty và các n v .
- Hoàn thành vi c s a i, b sung n i dung m t s i u c a i u l t ch c và ho t ng c a Công ty cho phù h p v i tình hình th c t và các quy nh m i c a pháp lu t thông qua i h i ng c ông.
- T ch c thành công H i ngh Ng i lao ng và i h i ng c ông n m 2014.
- T i p t c xây d ng v n hóa doanh nghi p, c ng c tinh th n oàn k t, chia s , quan h ng x t t p t i n v , góp ý, i u ch nh và x lý nh ng hành vi và cá nhân ch a phù h p. Bên c nh ó ã t ch c t t nhi u ho t ng phong trào, qua ó ng viên ng i lao ng oàn k t, kh c ph c khó kh n, lao ng sáng t o hoàn thành t t nhi m v s n xu t kinh doanh và phát tri n.

2. Công tác K ho ch:

- Ch ng n m b t thông tin th tr ng, tìm khách hàng, l p k ho ch s n xu t nh k n m, quý, tháng, tri n khai th c hi n các k ho ch liên quan n SXKD, giao nhi m v k ho ch cho các n v thi công. L p h s và tham gia u th u các công trình trong và ngoài ngành, tham m u cho Lãnh o Công ty trong vi c th ng th o và ký k t các H p ng kinh t v i các i tác. Ph i h p ch t ch v i các n v trong công tác l p và trình duy t các đ toán c ng nh vi c nghi m thu, thanh toán i v i các Ch u t , m b o ngu n v n cho các ho t ng c a Công ty.

- Thực hiện công tác quản lý vật tư thi công, rà soát, tổ chức mua sắm, mua sắm vật tư cho sản xuất, phối hợp cùng các phòng quản lý thực hiện và quản lý công tác sắp xếp trang thiết bị công cụ và hiện vật.

3. Công tác tổ chức và nhân sự :

- Thực hiện nghiêm túc các chế độ, chính sách và quy định của Nhà nước về công tác tổ chức; công tác đào tạo; công tác quản lý lao động, tiền lương; công tác BHXH, ATL, và ATCh y tàu phù hợp với cơ cấu sản xuất kinh doanh, điều kiện thực tế của Công ty và các nhân viên đáp ứng yêu cầu nhân lực và phát triển bền vững của Công ty.

- Bổ nhiệm bổ sung một Phó Tổng giám đốc Công ty, một giám đốc Xí nghiệp.

IV. Kế hoạch phát triển trong tương lai :

Căn cứ vào mục tiêu, kế hoạch SXKD đã được HĐQT hoạch định, ban Tổng giám đốc công ty đã có kế hoạch hành động thực hiện trong năm 2015 và những nhiệm vụ tiếp theo như sau:

- Tập trung ưu tiên thi công các công trình lớn nhằm mở rộng phát triển nhân lực và lâu dài để đảm bảo chú trọng nguồn nhân lực thi công đảm bảo an toàn và hiện vật tài chính.

- Tích cực tìm kiếm mở rộng thị trường, phát huy tiềm năng nội lực để phát triển sản xuất, hạch toán tiết kiệm chi phí, tạo thêm việc làm và mở rộng thu nhập cho người lao động, thực hiện ý nghĩa và vị trí của nhà nước, tham gia thực hiện tốt các chính sách xã hội.

- Phát triển nguồn nhân lực dựa trên lợi thế hiện có chủ yếu là đội ngũ cán bộ quản lý chuyên nghiệp tại các phòng ban nghiệp vụ, tại các công trình xây dựng, các đội thi công và đội kỹ thuật viên, công nhân kỹ thuật có tay nghề, Công ty sẽ tiếp tục công tác tuyển dụng và phát triển theo chiều sâu trong việc huấn luyện, đào tạo nâng cao kiến thức cho đội ngũ nhân sự, bổ sung nhân lực cho Công ty về nhân sự quản lý, điều hành nhân lực công nhân lành nghề nhằm xây dựng một đội ngũ Cán bộ CNV chuyên nghiệp trong ưu thế công nghệ trong thi công xây lắp.

- Tập trung mạnh vào việc đầu tư cải tiến trang thiết bị và công nghệ thi công xây dựng hiện có cho ngành công nghiệp và các doanh nghiệp cùng ngành nghề nhằm tiết kiệm chi phí, tăng năng suất lao động, rút ngắn tiến độ và nâng cao chất lượng thi công các công trình xây dựng. Tiếp tục các công nghệ mới, đầu tư có chọn lọc nhằm cải tiến, đón đầu xu thế phát triển của ngành, đáp ứng yêu cầu về nhân lực, công nghệ của các gói thầu trong tương lai.

- m b o tuy t i an toàn giao thông, an toàn cháy n , ATL , trong thi công không có tai n n n ng, h n ch th p nh t t i n n nh và các vi ph m an toàn khác.
- Nghiên c u c i ti n hình th c t ch c thi công t ng n ng su t, t i t ki m chi phí mang l i hi u qu cao nh t.
- C i ti n hoàn thi n h th ng qu n lý ch t l ng c a công ty phù h p v i tiêu chu n ISO 9001-2008.

V. Gi i trình c a Ban Giám c i v i ý ki n ki m toán :

Báo cáo tài chính h p nh t n m 2014 c a Công ty c ph n u t và Xây d ng công trình 3 ã c ki m toán ch p nh n toàn ph n, không có ý ki n lo i tr .

PH N IV – ÁNH GIÁ C A H I NG QU N TR V HO T NG C A CÔNG TY

I. ánh giá c a H i ng qu n tr v các m t ho t ng c a Công ty:

1. Ho t ng c a H QT :

Trong n m 2014 H QT ã tri n khai bám sát Ngh quy t i h i ng c ông , t ch c 06 cu c h p th o lu n, nghe báo cáo tình hình ho t ng s n xu t kinh doanh c a Công ty . H QT ã ra ch tr ng chi n l c và các bi n pháp gi i quy t phù h p v i tình hình th c t c a Công ty và tuân th quy nh c a pháp lu t.

2. ánh giá các m t ho t ng c a công ty :

Bên c nh nh ng khó kh n chung c a n n kinh t n m 2014 tình hình s n xu t c a Công ty CP T & XD công trình 3 g p r t nhi u các khó kh n riêng : vi c s p x p l i t ch c, b máy c ch ho t ng c a T ng công ty ng s t VN, quy nh m i v V n trong Lu t u th u m i có hi u l c t tháng 8/2014, s ch m ch trong vi c gi i ngân thanh toán kh i l ng các công trình thu c v n ngân sách ... t t c u nh h ng x u t i ho t ng s n xu t kinh doanh c a công ty . Trong b i c nh ó H QT công ty ã k p th i i u ch nh k ho ch SXKD cho phù h p v i tình hình th c t và ã c các c ông thông qua (b ng hình th c l y ý ki n) và a ra các i sách kinh doanh Công ty v t qua khó kh n .

II. ánh giá c a H i ng qu n tr v ho t ng c a Ban Giám c công ty:

Các thành viên H QT h u h t u là thành viên kiêm nhi m các ch c danh trong Ban giám c công ty t o i u ki n cho Ban giám c công ty tri n khai có hi u qu các Ngh

quy tắc của HĐQT công ty, kế hoạch thông tin báo cáo, dự án chủ yếu trong trình thực hiện phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu mà HĐQT và Hội đồng đã ra.

Vì vai trò nhàn hạ, giám sát của HĐQT, Ban giám đốc công ty đã cho và cùng với các cán bộ quản lý và toàn thể cán bộ CNV công ty thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu (theo báo cáo tài chính riêng đã kê m toán):

Tổng doanh thu đạt 414,640 tỷ đồng bằng 87% so với cùng kỳ năm ngoái và đạt 103% so với kế hoạch dự kiến.

Lợi nhuận trước thuế đạt 12,948 tỷ đồng bằng 70% so với cùng kỳ năm ngoái và đạt 100% so với kế hoạch dự kiến.

III. Các kế hoạch, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị năm 2015:

Bám sát Chiến lược phát triển GTVT Việt Nam năm 2020, tầm nhìn năm 2030 theo Quyết định số 355/QĐ-TTg ngày 25 tháng 02 năm 2013 và Quy hoạch tổng thể phát triển ngành giao thông vận tải đường sắt Việt Nam năm 2020, tầm nhìn năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ theo quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 10/9/2009.

Theo đó, mục tiêu phát triển năm 2020:

Trọng tâm, ưu tiên nâng cấp, hiện đại hóa tuyến đường sắt Bắc-Nam hiện có. Tập trung nghiên cứu các phương án khả thi có kế hoạch đầu tư xây dựng phù hợp đường sắt tốc độ cao.

Tiến hành nâng cấp và hiện đại hóa nhằm nâng cao hiệu quả khai thác các tuyến đường sắt thu nhập đường sắt Bắc-Nam hiện có. Nghiên cứu đầu tư mới tuyến đường sắt khổ 1,435m tại thành phố Hồ Chí Minh và vùng Tàu và thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ; nghiên cứu xây dựng đường sắt Đà Nẵng - Lào Cai và tuyến đường sắt Xuyên Á.

Tầm nhìn năm 2030,

Chiến lược xác định hoàn thiện mạng lưới GTVT trong nước, mở rộng kết nối và phát triển hợp lý giữa các phương thức vận tải. Chất lượng vận tải và dịch vụ được nâng cao, mở rộng: nhanh chóng, an toàn, tin cậy. Hoàn thành xây dựng các tuyến đường sắt tốc độ cao; triển khai xây dựng mới số tuyến trên tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam; hệ thống đường sắt Việt Nam bằng tiêu chuẩn kỹ thuật, kỹ thuật hiện đại và hệ thống đường sắt ASEAN, Tiểu vùng Mê Công mở rộng và đường sắt xuyên Á.

Ngày 10/9/2009 Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định số 1436/Q -TTg về Phê duyệt đề án Quy hoạch tổng thể phát triển ngành giao thông vận tải đường sắt Việt Nam năm 2020, tầm nhìn năm 2030. Trong đó, Thủ tướng nhấn mạnh: “Kể từ hiện tại, ngành sắt cần ưu tiên tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng, nhanh chóng, hợp lý, kết hợp phát triển đường bộ và đường sắt, tập trung đầu tư vào hiện tại, làm công cụ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cá nhân; phát triển mạng lưới đường sắt liên kết với các cảng biển và các quốc gia có cùng chung biên giới, thúc đẩy hình thành quốc gia; nhanh chóng phát triển mạng lưới đường sắt đô thị làm nòng cốt trong vận tải công cộng tại các thành phố lớn, trọng tâm ưu tiên Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh”. Các chỉ tiêu:

- năm 2020: hoàn thành cơ sở hạ tầng, nâng cấp mạng lưới đường sắt hiện có theo tiêu chuẩn đường sắt quốc gia cấp I, hoàn thành kết nối đường sắt với các cảng biển quốc tế, nhà máy, khu kinh tế, khu mỏ và các trung tâm du lịch lớn...; phần lớn hoàn thành xây dựng mới tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và đường sắt - Hà Nội; nhanh chóng phát triển giao thông vận tải bán sắt tại các đô thị, trọng tâm ưu tiên triển khai tại Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh; ưu tiên xây dựng trục đường sắt số 1 tuyến đường sắt cao tốc Bắc - Nam; tăng cường công tác bảo trì các khu vực đường sắt hiện có thành lập đội kiểm tra kỹ thuật và bảo trì các tuyến đường sắt đô thị đáp ứng nhu cầu vận tải nội - ngoại ô các vùng đô thị lớn;

- năm 2030: hoàn thành mạng lưới đường sắt đô thị tại Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và triển khai xây dựng mới các thành phố lớn khác; cơ bản hoàn thành mạng lưới đường sắt cao tốc Bắc - Nam; triển khai xây dựng mạng lưới đường sắt Tây Nguyên, đường sắt nối các tỉnh ven biển đường sắt Bắc Bộ và đường sắt nối các tỉnh đường biển sông Cửu Long. (Mức tiêu này đã thể hiện các chỉ tiêu các quyết định 05/2011/Q -TTg, 06/2011/Q -TTg và 07/2011/Q -TTg ngày 24/01/2011; của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, phía Nam và miền Trung năm 2020 - nhìn về năm 2030).

<p align="center">S 1 c Danh mục quy hoạch phát triển kể từ hiện tại đến năm 2020 và tầm nhìn năm 2030</p>	<p align="center">Kinh phí (T VN)</p>
<ul style="list-style-type: none"> • Nâng cấp các tuyến hiện có: - Tuyến Hà Nội – Tp. Hồ Chí Minh: hoàn thiện và vào cấp I 	

s t qu c gia.	7.754
• Xây d ng các o n tuy n m i:	
- Yên Viên – Ph L i – H Long – Cái Lân: Xây d ng m i ng n l ng.	
- Biên Hòa – V ng Tàu: Xây d ng ng ôi kh 1435m KH.	3.208
- Thành ph H Chí Minh – M Tho – C n Th – Cà Mau: Xây d ng ng ôi kh 1435m KH.	14.168
- Tháp Chàm – à L t: Khôi ph c tuy n c .	61.440
- ng s t làm m i n i vào các c ng, khu công nghi p, khu kinh t :	3.971
C m c ng khu v c thành ph H Chí Minh – ng Nai – Bà Ra – V ng Tàu: Th V i – Cái Mép, b n ình Sao Mai.	900
• ng s t ô th , liên vùng:	
- B n Thành – Su i Tiên	
- B n Bàu Cát – Ngã Sáu – Gò V p – Khánh H i – i l Nguy n V n Linh.	41.000
- i l Nguy n V n Linh – Qu n 2.	21.417
- Thành ph H Chí Minh – M Tho.	7.196
- Thành ph H Chí Minh – Biên Hòa.	350
- Biên Hòa – V ng Tàu.	150
	375

Chi n l c phát tri n kinh t xã h i c a Vi t Nam giai o n 2011-2020 ã xác nh ây là th i k th c hi n công nghi p hóa hi n i hóa nh m a Vi t Nam c b n thành m t n c công nghi p theo h ng hi n i vào kho ng n m 2020. Xu t phát t chi n l c chung này, cho th y nhu c u v n chuy n ng i và hàng hóa ngày càng cao. Vai trò c a ngành giao thông v n t i óng m t v trí h t s c quan tr ng i v i n n kinh t . Trong ó ngành xây d ng c u ng nói chung và ngành ng s t nói riêng c xem nh m t ngành i u trong các ngành t o ra c s v t ch th t ng cho xã h i.

c thành l p t n m 1977, qua 37 n m xây d ng và tr ng thành, Công ty công trình ng s t 3 nay là Công ty C ph n u t và Xây d ng công trình 3 ã có nh ng b c phát tri n thành công, xây d ng c hình nh và th ng hi u c a mình trong n i b ngành ng s t. Là m t trong không nhi u nh ng công ty thu c kh i xây d ng c b n có s t ng tr ng t t, cu c s ng c a ng i lao ng c quan tâm và c i thi n tr c tình hình khó kh n chung c a n n kinh t .

PHẦN V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. Hội đồng quản trị

1. Thành viên và chức vụ của Hội đồng quản trị :

a/ Các thành viên HĐQT công ty nhiệm kỳ 2013-2018 :

Ông Phạm Văn Thủy – Chủ tịch HĐQT

Ông Đào Quốc Cường – UV HĐQT

Ông Phạm Ngọc Côi – UV HĐQT

Ông Nguyễn Văn Soát – UV HĐQT

Bà Nguyễn Kim Chinh – UV HĐQT

Ông Lê Văn Nhàn – UV HĐQT

Ông Nguyễn Quang Vinh – UV HĐQT

b/ Thành viên HĐQT cũ không tham gia nhiệm vụ hành SXKD của công ty :

Ông Đào Quốc Cường – UV HĐQT

2. Các tiêu chuẩn chức vụ HĐQT :

Công ty CP T và xây dựng công trình 3 không thành lập các tiêu chuẩn chức vụ HĐQT, HĐQT đã phân công mỗi thành viên HĐQT phụ trách một lĩnh vực phù hợp với chuyên môn của mình để đưa ra những ý kiến chính xác và hiệu quả nhằm giúp HĐQT có những quyết định đúng đắn có những biện pháp kịp thời để đáp ứng các yêu cầu hoạt động SXKD.

3. Hoạt động của Hội đồng quản trị :

Trong năm 2014 HĐQT đã thực hiện tốt chức năng, sinh hoạt theo quy định. Các thành viên HĐQT tại công ty đều kiêm nhiệm các vị trí trong ban điều hành nên việc thực hiện nhiệm vụ chức vụ, giám sát hoạt động của ban giám đốc là rất sát sao và kịp thời thông qua :

- Tham dự và có ý kiến trong các cuộc họp của Ban giám đốc về việc chuẩn bị các báo cáo xuất, các dự án trình HĐQT, triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT

- Tham dự và có ý kiến trong các cuộc họp của Ban giám đốc về việc xây dựng và giao kết hợp sản xuất kinh doanh, các cuộc họp giao ban sản xuất, xây dựng và hoàn thiện các quy chế trong hệ thống các quy chế quản lý của công ty về: giao khoán, chi tiêu, chi lương, thưởng, quản lý chi tiêu ...
- Theo dõi và nắm bắt kịp thời quá trình tiến hành sản xuất, trong năm 2014 HĐQT đã tổ chức 05 cuộc họp thường kỳ của HĐQT, 01 kỳ họp HC thường niên, Các cuộc họp của HĐQT đều tổ chức theo đúng quy định của công ty. Các vấn đề quan trọng của ban hành đúng thẩm quyền, thông qua các thành viên HĐQT tại các cuộc họp hoặc bằng hình thức lý luận bằng văn bản hoặc bằng văn bản, nội dung văn bản và đưa ra trên hệ thống nhật ký họp của các thành viên HĐQT.

HQT giám sát chặt chẽ hoạt động SXKD của các bộ máy tiến hành theo đúng thẩm quyền, không gây ra sự chệch lệch trong công tác quản lý, đưa ra phương hướng chỉ đạo chỉ không làm thay nhiệm vụ tiến hành của Giám đốc công ty.

Trong lĩnh vực đầu tư tài chính công nghệ đầu tư nâng cao năng lực thi công, HĐQT công ty đã có những quy định đúng thẩm quyền, kịp thời, có chủ trương nhằm cho Giám đốc công ty trong việc cân nhắc các nguồn vốn phục vụ cho SXKD và triển khai đầu tư các dự án.

Quy định kế hoạch SXKD năm 2014 trình tiến hành công việc, tiến hành làm việc kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 thông qua công đồng công ty bằng hình thức lý luận bằng văn bản và xây dựng những hướng phát triển SXKD 5 năm tới.

4. Hoạt động của thành viên HĐQT kiêm quản trị viên không tiến hành:

Thành viên HĐQT không tiến hành chịu trách nhiệm quản trị HĐQT công ty về các nhiệm vụ giao.

II. Ban Kiểm soát

1. Thành viên và chức vụ của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên: không có thành viên nào thuộc bộ phận kế toán tài chính của công ty, các thành viên đều là thành viên hoạt động kiêm nhiệm không có thành viên chuyên.

Danh sách thành viên Ban kiểm soát, tài sản hữu hạn có quy định và các chức năng khác do công ty phát hành:

- a/ Ông Trần Anh Thuận – trưởng ban kiểm soát kiêm trưởng phòng Kế Toán
Số phiếu nắm giữ ngày 13/04/2015: 53.485 CP – Tỷ lệ: 0,87 %
- b/ Ông Trần Minh Hùng – Thành viên ban kiểm soát – là chuyên viên phòng Kế Toán
Số phiếu nắm giữ ngày 13/04/2015: 14.323 CP – Tỷ lệ: 0,23 %
- c/ Ông Nguyễn Xuân Trường – Thành viên ban kiểm soát – kiêm Giám đốc XN 305
Số phiếu nắm giữ ngày 13/04/2015: 99.453 CP – Tỷ lệ: 1,63 %

2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Thực hiện quy định trong Điều lệ công ty. Ban kiểm soát đã tiến hành họp định kỳ 4 quý và thay mặt công ty kiểm tra giám sát phần lớn các hoạt động kinh doanh, quản trị và hành chính của Công ty, Ban kiểm soát thực hiện trên cơ sở các quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty và Nghị quyết nội bộ của công ty.

Tham dự và đóng góp ý kiến tại các cuộc họp HĐQT và các văn phòng, quy định các vấn đề liên quan đến chiến lược phát triển công ty và chính sách khai thác hợp đồng SXKD năm 2014.

Kiểm tra, giám sát các thủ tục, trình tự công tác tổ chức nội bộ công ty năm 2014 tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Hội đồng và nghị quyết của HĐQT, tập trung hỗ trợ HĐQT triển khai thực hiện nghị quyết.

3. Kết quả kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2014:

Qua thẩm tra Ban kiểm soát thấy nội dung như sau:

- Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã lập và được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía Nam đã phản ánh trung thực tình hình tài chính đến thời điểm ngày 31/12/2014.
- Việc ghi chép, sổ sách toán theo chu kỳ kế toán do Bộ tài chính ban hành.
- Tình hình thực hiện Các chỉ tiêu cơ bản theo Nghị quyết HĐQT 2014 và Nghị quyết Công ty CP T & XD công trình 3 – thông qua bằng hình thức lý thuyết (bản vẽ)

STT	CH TIÊU	VT	K Ho CH	TH C Hi N	SO SÁNH
1	Tổng sản lượng	triệu đồng	403,000	403,321	100.08%
2	Tổng doanh thu	nt	403,000	414,640	102.89%
3	Tổng chi phí	nt	390,000	401,692	103.00%
4	Lợi nhuận trước thuế	nt	13,000	12,948	99.60%
5	Thuế TNDN	nt	2,860	2,566	89.72%
6	Thu nhập bình quân	đ/ng/th	10,181,011	9,212,997	90.49%

4. Công tác giám sát hoạt động của HĐQT, Ban H và thành viên quy định quản trị nội bộ :

- HĐQT đã triển khai, bám sát Nghị quyết của HĐQT, nghị quyết của công ty, tholon và quy định pháp luật liên quan trong quá trình hoạt động kinh doanh, báo cáo quy định công và chế độ chính sách đãi ngộ viên công.
- Ban giám đốc công ty cùng với các cán bộ quản lý đã thực hiện khai và thành viên nội bộ hành hoạt động hàng ngày của công ty theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quy định quy định trong nội bộ công ty. Tuân thủ đúng các Nghị quyết của HĐQT.
- Ban giám đốc cùng các cán bộ quản lý tuân thủ tất cả các quy trình hoạt động theo các yêu cầu của hệ thống quản lý nội bộ, các yêu cầu của chu trình kiểm toán và kiểm toán nội bộ.
- BKS đã phát hiện các thành viên HĐQT, các cán bộ quản lý của công ty vi phạm pháp luật, nội bộ, quy định quản trị và các quy định khác của Công ty.

III. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

1. Lương, thù lao của HĐQT, BG và BKS

1.1 Lương :

Các thành viên Hội đồng quản trị và ban kiểm soát là thành viên kiêm nhiệm : thang bảng lương của thành viên HĐQT, Ban giám đốc công ty, ban kiểm soát và các chức danh quản lý trong công ty đều áp dụng theo quy định thang bảng lương của Nhà nước áp dụng với doanh nghiệp nhà nước khi thực hiện công việc.

Các thành viên Hội đồng quản trị không tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, thành viên chức năng quản lý nhân viên của công ty mới các công ty con và kiêm

nhiệm vụ danh quản lý điều hành tại các công ty con hàng loạt trực tiếp công ty con theo chức danh điều hành của mình.

Năm 2014 Lương của các thành viên HĐQT, BGĐ và BKS do công ty CP T & XD công trình 3 chi trả như sau :

STT	Tên	Chức vụ	Lương 2014
1	Phạm Văn Thúy	CT HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	361,308,300
2	Phạm Ngọc Côi	TV HĐQT kiêm Phó TGĐ	319,453,300
3	Nguyễn Quốc Soát	nt	334,717,400
4	Lê Văn Nhàn	nt	33,380,000
5	Nguyễn Quang Vinh	nt	33,380,000
6	Nguyễn Quang Thành	Phó TGĐ công ty	226,703,871
7	Trần Quốc Noan	nt	236,419,880
8	Phạm Trọng Sơn	nt	314,789,900
9	Nguyễn Kim Chính	UV HĐQT kiêm Kế toán trưởng	302,227,800
10	Trần Anh Thuận	Trưởng BKS kiêm Trưởng phòng	283,903,200
11	Nguyễn Xuân Trọng	TV BKS kiêm CV kế toán	83,805,678
12	Trần Minh Hùng	TV BKS kiêm CV phòng KH T	208,215,800
	Tổng cộng		2,738,305,129

Năm 2014 Lương của các thành viên HĐQT không thu nhập máy quản lý của công ty do các công ty con chi trả như sau :

STT	Tên	Chức vụ	Lương 2014	Đơn vị chi trả
1	Nguyễn Quang Vinh	CT HĐQT Cty CP T & XD công trình 3 kiêm Giám đốc Cty CP XD CT Trại 1	258.393.205	Cty CP XD CT Trại L
2	Lê Văn Nhàn	TV HĐQT Cty CP T & XD công trình 3 kiêm Giám đốc Cty CP CT Thành Phát	301.705.630	CP CT Thành Phát

1.2 Thù lao của HĐQT và BKS công ty :

Căn cứ theo phôi án chi trả đã phê duyệt tại HĐQT công ty, căn cứ theo kết quả sản xuất kinh doanh của năm HĐQT công ty xác định quy định chi trả năm. Căn cứ theo công việc mà nhiệm vụ của từng thành viên Chủ tịch HĐQT công ty quy định như mức chi trả cho từng thành viên.

Căn cứ theo Nghị quyết điều chỉnh công thức năm 2014 Tổng số thù lao quy định năm 2014 là : 619,2 triệu đồng.

Thực chi như sau (đã tính vào giá thành sản xuất 2014) :

STT	Tên	Chức vụ	Số tiền
1	Phạm Văn Thúy	Chủ tịch HĐQT cty	95,200,000
3	Phạm Ngọc Côi	TV HĐQT	61,600,000
4	Nguyễn Văn Soát	nt	61,600,000
5	Nguyễn Kim Chinh	nt	61,600,000
6	Nguyễn Quang Vinh	nt	11,200,000
7	Lê Văn Nhường	nt	11,200,000
8	Nguyễn Quốc Cường	nt	27,600,000
9	Trần Anh Thuận	Trưởng BKS cty	44,800,000
10	Nguyễn Xuân Trường	TV BKS cty	4,000,000
11	Trần Minh Hùng	nt	11,200,000
	Cộng		390,000,000

Khoản thù lao Các công ty con chi trả cho thành viên hội đồng quản trị Công ty CP T & XD công trình 3 là Chủ tịch HĐQT các công ty con năm 2014 như sau :

STT	Tên	Chức vụ	Số tiền	Đơn vị chi trả
1	Nguyễn Quang Vinh	TV HĐQT	36.000.000	Cty CP XD CT Trường Lạc
2	Lê Văn Nhường	TV HĐQT	42.000.000	Cty CP CT Thành Phát

Giao dịch phi thường công nợ :

- Trong năm 2014 có sự thay đổi danh sách công nợ và những người có liên quan như sau :

Công nợ như sau :

- Ông Nguyễn Quang Thuận – Phó Tổng Giám đốc công ty – Bị nhiệm vụ từ 10/07/2014

- Trong năm 2014 không có giao dịch phi thường công nợ và những người liên quan..

3. Hợp đồng giao dịch với công nợ :

Các hợp đồng đã ký kết trong năm 2014 giữa Công ty với các thành viên HĐQT, thành viên BKS, ban chấp hành giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan :

- H s 02/TV/CT3 ngày 01/01/2014 ghi a Công ty v i Ông Ph m V n Thúy – CT H QT Cty – Giá tr H : 1.100.000.000
- H s 05A/TV/CT3 ngày 24/7/2014 ghi a Công ty v i Ông Ph m V n Thúy – CT H QT Cty – Giá tr H : 500.000.000
- H s 05/TV/CT3 ngày 7/7/2014 ghi a Công ty v i Bà Nguy n Kim Chinh – TV H QT Cty – Giá tr H : 600.000.000
- H s 10/TV/CT3 ngày 12/8/2014 ghi a Công ty v i Ong Nguy n c Soát – TV H QT Cty – Giá tr H : 200.000.000
- H s 05/TV/CT3 ngày 1/1/2014 ghi a Công ty v i Ong Ph m Ng c Côi – TV H QT Cty – Giá tr H : 2.000.000.000
- H s 06-2014/TV/CT3 ngày 20/5/2014 ghi a Công ty v i Ong Ph m Ng c Côi – TV H QT Cty – Giá tr H : 2.000.000.000
- H s 04/TV/CT3 ngày 1/1/2014 ghi a Công ty v i Ong Tr n Anh Thu n – Tr ng Ban ki m soát – Giá tr H : 500.000.000
- H s 11/TV/CT3 ngày 12/8/2014 ghi a Công ty v i Ong Tr n Anh Thu n – Tr ng Ban ki m soát – Giá tr H : 350.000.000

4. Vi c th c hi n các quy nh v qu n tr công ty:

Công ty th c hi n nghiêm túc các quy nh v qu n tr công ty. Th c hi n theo thông t s 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 c a B tài chính Quy nh v qu n tr công ty áp d ng cho các Công ty i chúng : Công ty CP T & XD công trình 3 s hoàn t t ch nh s a i u l ho t ng c a công ty theo i u l m u (áp d ng cho công ty i chúng - ban hành kèm theo thông t 121 /2012/TT-BTC) và Lu t doanh nghi p m i c ban hành ngày 26/11/2014 trong k H p i h i ng c ông th ng niên n m 2015 (n m tài chính 2014).

IV. Báo cáo tài chính

1. Ý ki n ki m toán:

- Ý ki n ki m toán – Báo cáo tài chính riêng n m 2014 :

Theo ý ki n c a chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng ã ph n ánh trung th c và h p lý, trên các khía c nh tr ng y u tình hình tài chính c a Công ty C Ph n u T và Xây D ng Công Trình 3 t i ngày 31 /12 /2014, c ng nh k t qu kinh doanh và tình hình l u chuy n ti n t cho n m tài chính k t thúc ngày 31 / 12 / 2014 phù h p v i chu n m c k toán, ch

k toán Vi t Nam và các quy nh pháp lý có liên quan n vi c l p và trình bày báo cáo tài chính riêng.

- Ý ki n ki m toán – Báo cáo tài chính h p nh t n m 2014

Theo ý ki n c a chúng tôi, Báo cáo tài chính h p nh t ã ph n ánh trung th c và h p lý, trên các khía c nh tr ng y u tình hình tài chính c a T p oàn t i ngày 31 / 12 / 2014, c ng nh k t qu kinh doanh và tình hình l u chuy n ti n t cho n m tài chính k t thúc cùng ngày phù h p v i chu n m c và ch k toán Vi t Nam và các quy nh pháp lý có liên quan n vi c l p và trình bày báo cáo tài chính h p nh t..

2. Báo cáo tài chính c ki m toán :

Báo cáo tài chính riêng c a công ty m và Báo cáo tài chính h p nh t n m 2014 ã c ki m toán bao g m: B ng cân i k toán; Báo cáo k t qu ho t ng kinh doanh; Báo cáo l u chuy n ti n t ; B n thuy t minh Báo cáo tài chính c công b trên website c a Công ty (/c : www.ct3.com.vn) và c a S giao d ch ch ng khoán Hà N i.

Xác nh n c a i di n theo pháp lu t c a Công ty